

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-ST

Ngày: 01- 6 -2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Riêng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phước Thị Kim Huê

Ông Cao Hiền Tự

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:
Ông Cao Văn Nở – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/5/2020 và ngày 01/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thị Út T, sinh năm 1971 tại tỉnh Trà Vinh;

Nơi cư trú: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H (chết) và bà Khúc Thị Đ (chết); Anh, chị, em ruột có 09 người kể cả bị cáo, lớn nhất không rõ năm sinh (chết), nhỏ nhất, sinh năm 1977; Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 ((Đã ly hôn); Con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, bị Công an huyện Trà Cú xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc" theo quyết định số 193/QĐ-XPHC ngày 21 tháng 10 năm 2019; có nhân thân: xấu; bị cáo bị khởi tố tại ngoại cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Út T là Luật sư Dương Minh Tâm

- Văn Phòng Luật sư 79 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị Cẩm G (N), sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Nguyễn Thị Ph (Â), sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ng, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người tham gia tố tụng khác:

- *Người làm chứng:*

1. Ông Diệp Thanh Hoàng T (L), sinh năm 1980;
Địa chỉ: Ấp Ch, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
(vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).
2. Ông Thạch Ngọc Th, sinh năm 1993;
Địa chỉ: K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
(vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).
3. Ông Bùi Văn L, sinh năm 1961;
Địa chỉ: Ấp B, xã Th, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
(vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).
4. Ông Lâm Văn M, sinh năm 1975 (vắng mặt);
Địa chỉ: K 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
5. Ông Mã Quốc V, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Ấp K, xã Th, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
(vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 03/01/2020, Diệp Thanh Hoàng T cùng với Thạch Ngọc Th đến quán của bị cáo. Lúc đó, bị cáo T là người chủ động hỏi T và Th khi thấy hai người này đến và ngồi trên ghế nhựa phía trước quán của mình có uống nước giải khát hay không, T và Th không uống nước mà có nhu cầu mua dâm, nên T nói với bị cáo là "Có lính không đi luôn", nghe T nói vậy, bị cáo biết là T cần người để mua dâm. Sau đó, bị cáo môi giới cho bà Nguyễn Thị Ph bán dâm. Lúc này, bị cáo chỉ bà Ph đang nằm vờng tại quán cho T và Th thấy và nói "Có một người nếu cần thì chị kêu thêm", nghe vậy T và Th đồng ý. Sau khi nhìn thấy bị cáo T dùng tay chỉ về phía mình và nói chuyện với T, Th thì bà Ph hiểu được bị cáo T đang làm trung gian giới thiệu bà để đi bán dâm cho T, Th nên bà đã gặp T và Th thỏa thuận với nhau về việc mua dâm và bán dâm. Ngoài ra, bị cáo T còn biết được bà Bùi Thị Cẩm G cũng có nhu cầu bán dâm nên bị cáo sử dụng điện thoại di động hiệu itel, màu đen, đang sử dụng sim số 0374.220.245 của bị cáo gọi vào số thuê bao 0936.417.901 để gặp G và nói là "Nhí lại có khách đi luôn", nghe bị cáo nói vậy bà G hiểu được là bị cáo T kêu G đến quán của bị cáo để đi bán dâm nên G đồng ý.

Cùng lúc đó, ông Bùi Văn L là người quen của bị cáo và G, đang có mặt tại quán của bị cáo ngồi uống nước giải khát. Sau đó, ông L sử dụng điện thoại của mình gọi cho G nói là "Con lại quán chú hai có công chuyện chút", nhằm mục đích gọi G đến quán của bị cáo T là để đòi số tiền 600.000 đồng mà G đã mượn trước đây. Sau khi nghe điện thoại xong, G điều khiển xe mô tô từ quán "Hương Lúa" địa chỉ ấp Trà Lés, xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đến quán của bị cáo, khi thấy G điều khiển xe mô tô gần đến thì bị cáo nói với bà Ph là "Có người lại kìa đi đi" có nghĩa là kêu bà Ph đi bán dâm. Lúc này, T điều khiển xe mô tô chở Th và kêu bà Ph cùng đi vào nhà trọ "Thành Đạt" đối

diện với quán của bị cáo thuộc ấp Kós La, xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú do ông Mã Quốc V làm chủ để thực hiện hành vi mua bán dâm. Sau khi T, Th và Ph đi ra khỏi quán được một đoạn thì G điều khiển xe mô tô chạy tới và dừng xe trước quán của bị cáo nhưng không có xuống xe. Sau đó, G hỏi bị cáo T "Đâu rồi", thì bị cáo T dùng tay chỉ cho G nhìn thấy T, Th và Ph đang đi về hướng nhà trọ "Thành Đạt" và nói "Đi rồi đó, đi đi". Khi nhìn thấy bị cáo T chỉ và nói như vậy G liền điều khiển xe mô tô đi theo sau T, Th và Ph vào nhà trọ "Thành Đạt" khi đến nhà trọ T và Ph thuê và vào phòng số 07, rồi cả hai thỏa thuận với nhau việc mua, bán dâm với giá 400.000 đồng và được Ph đồng ý và nhận số tiền 400.000 đồng, nên khi thỏa thuận xong, cả hai người quan hệ tình dục với nhau. Riêng Th và G thuê và vào phòng số 08, Th và G thỏa thuận với nhau việc mua, bán dâm với giá 500.000 đồng và được G đồng ý nên sau khi thỏa thuận xong, G nhận số tiền 500.000 đồng và cả hai quan hệ tình dục với nhau. Trong lúc thực hiện hành vi mua dâm, bán dâm với nhau thì bị lực lượng Công an huyện Trà Cú đến kiểm tra và phát hiện mời về Cơ quan Công an làm việc. Tại cơ quan điều tra Công an huyện Trà Cú thì T, Th, Ph và G đã thừa nhận toàn bộ hành vi mua dâm, bán dâm của mình. Việc thực hiện hành vi nêu trên là được bị cáo T làm trung gian dẫn dắt cho hai bên gặp gỡ để thỏa thuận và thực hiện hành vi mua, bán dâm với nhau.

Qua quá trình điều tra làm rõ vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/12/2019, bị cáo T còn làm trung gian dẫn dắt cho T và Ph thực hiện hành vi mua dâm, bán dâm với nhau để nhận tiền công. Vào thời gian và địa điểm nêu trên, T một mình đến quán của bị cáo để nhờ bị cáo làm trung gian dẫn dắt, giới thiệu người bán dâm cho T mua dâm. Khi đến T ngồi ghế tại quán và nói là "Có lính không", nghe T nói vậy, bị cáo T hiểu là T đang có nhu cầu tìm người để mua dâm. Do biết bà Ph có nhu cầu bán dâm để lấy tiền tiêu xài nên bị cáo chỉ Ph đang nằm võng tại quán của mình cho T và nói "Có con già kia" có nghĩa là bị cáo T giới thiệu cho T biết bà Ph là người có nhu cầu bán dâm. Khi được bị cáo giới thiệu, T và Ph gặp nhau tại quán của bị cáo và thỏa thuận giá mua, bán dâm là 400.000 đồng, bà Ph đồng ý và nhận số tiền 400.000 đồng từ ông T. Sau khi thỏa thuận xong, cả hai đến nhà trọ "Thành Đạt" để thực hiện hành vi mua, bán dâm. Sau khi bán dâm cho T xong đến ngày 31/12/2019 thay vì trả tiền công cho bị cáo T làm trung gian để bán dâm nhưng Ph không đưa tiền mà mua gạo 50.000 đồng cho bị cáo T coi như trả tiền công và bị cáo T đồng ý nhận, sử dụng số gạo nêu trên.

Như vậy, từ ngày 30/12/2019 đến ngày 03/01/2020, bị cáo T đã thực hiện hành vi môi giới mại dâm 02 lần, thu lợi bất chính với số tiền 50.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKS- HS ngày 17/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú truy tố bị cáo Trần Thị Út T phạm vào tội "Môi giới mại dâm" theo điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật áp dụng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d, điểm đ khoản 2 Điều

328; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Út T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù; Về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng và 02 (hai) vỏ bao cao su (dùng để đựng bao cao su), màu vàng đã qua sử dụng, đã bị rách. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu itel, màu đen, đã qua sử dụng có 02 số IMEI1: 355802100690643, số IMEI2: 355802100690650 có gắn sim số 0374.220.245 và 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng có số IMEI: 353198/05/271755/1, có gắn sim số 0936.417.901; tiền mặt 400.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ph và 500.000 đồng của bà Bùi Thị Cẩm G từ việc bán dâm mà có. Đồng thời, đề nghị truy thu số tiền 50.000 đồng do bị cáo thu lợi bất chính từ việc môi giới mại dâm vào ngày 30/12/2019 để nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Qua điểm của vị luật sư bào chữa cho bị cáo cũng thống nhất với nội dung cáo trạng và lời luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú đã đề nghị đối với bị cáo T về tội "Môi giới mại dâm". Tuy nhiên, Vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Khi bắt quả tang ngày 03/01/2020, bị cáo đã tự khai ra những lần phạm tội trước nên thuộc trường hợp người phạm tội tự thú theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo còn tích cực hợp tác với cơ quan chức năng giúp ích cho cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết vụ án theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo hiện nay hoàn cảnh rất khó khăn, kinh tế không ổn định, vợ chồng ly hôn, bản thân bị cáo một mình là lao động chính trong gia đình, còn nuôi đứa con có bệnh lý về tâm thần, ý thức không bình thường, đứa con này phụ thuộc vào bị cáo. Từ những tình tiết nêu trên nên không cần cách ly bị cáo mà cho bị cáo ở ngoài xã hội tự cải tạo, giáo dục, sửa đổi cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Do đó, Vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Trần Thị Út T phạm tội "Môi giới mại dâm" theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận cũng không có ý kiến bổ sung lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo; tại lời nói sau cùng bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình là sai, bị cáo rất hối hận mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được ở ngoài để nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã mô tả, lời khai này là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 13 giờ ngày 03/01/2020, tại quán ăn uống bình dân "Phương Thảo" thuộc ấp Kós La, xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, bị cáo T đã có hành vi làm trung gian môi giới cho Nguyễn Thị Ph, Bùi Thị Cẩm G bán dâm cho Diệp Thanh Hoàng T, Thạch Ngọc Th tại nhà trọ "Thành Đạt" thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện. Ngoài ra trong quá trình điều tra và xác minh vào khoảng 13 giờ 30 phút vào ngày 30/12/2019 bị cáo T còn trung gian cho bà Nguyễn Thị Ph và ông Diệp Thanh Hoàng T thực hiện hành vi mua dâm, bán dâm tại nhà trọ "Thành Đạt" 01 (một) lần nữa và thu lợi bất chính từ việc thực hiện làm trung gian này là 50.000 đồng. Như vậy, từ ngày 30/12/2019 đến ngày 03/01/2020, bị cáo T đã thực hiện hành vi môi giới mại dâm 02 lần, thu lợi bất chính 50.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi thực hiện của bị cáo Trần Thị Út T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Môi giới mại dâm" theo điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về tính chất vụ án là nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội 02 lần trở lên, phạm tội đối với 02 người trở lên, bị cáo nhận thức được hành vi làm trung gian dẫn dắt cho người khác thực hiện hành vi bán dâm, mua dâm là trái quy định của pháp luật nhưng vì vụ lợi muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo vẫn bất chấp, thể hiện tính xem thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa mới là môi trường lây lan căn bệnh HIV/AIDS và các căn bệnh xã hội khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần xét xử bị cáo một mức án thật nghiêm và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Mặc dù không có tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo có 01 tiền sự, bị Công an huyện Trà Cú xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc" theo quyết định số 193/QĐ- XPHC ngày 21 tháng 10 năm 2019 chưa được xóa án tích nên xét về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo chưa có tiền án, bị cáo đã tự khai ra những lần phạm tội trước vào ngày 30/12/2019, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi đứa con có bệnh lý

về tâm thần, trình độ học vấn thấp nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để cho bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo tốt, phấn đấu trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Vật chứng vụ án: 01 (một) điện thoại di động hiệu itel, màu đen, đã qua sử dụng có 02 số IMEI 1: 355802100690643, số IMEI2: 355802100690650 có gắn sim số 0374.220.245 và 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng có số IMEI: 353198/05/271755/1, có gắn sim số 0936417901; tiền mặt 400.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ph và 500.000 đồng của bà Bùi Thị Cẩm G liên quan đến hành vi phạm tội còn giá trị sử dụng nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng và 02 (hai) vỏ bao cao su (dùng để đựng bao cao su), màu vàng đã qua sử dụng, đã bị rách là những công cụ liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với số tiền thu lợi bất chính từ những lần môi giới dâm ngày 30/12/2019 là 50.000 đồng. Xét thấy cần phải truy thu để nộp ngân sách nhà nước.

[7] Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo đã tự khai ra những lần phạm tội trước nên thuộc trường hợp người phạm tội tự thú, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo chưa có tiền án, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh rất khó khăn, kinh tế không ổn định, đã ly hôn với chồng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, còn nuôi đứa con có bệnh lý về tâm thần đây cũng là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 nên chấp nhận. Riêng đối với quan điểm của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 328; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo là chưa đủ căn cứ. Bởi lẽ, khi bị bắt quả tang về hành vi mua dâm, bán dâm vào ngày 03/01/2020, mặc dù bị cáo đã tự khai ra những lần môi giới mại dâm lần trước vào ngày 30/12/2019, thế nhưng theo biên bản đối chất ngày 11/01/2020 bị cáo thừa nhận bà G có đưa tiền cho bị cáo 100.000 đồng, trong đó trả tiền 04 chai nước ngọt 40.000 đồng, còn lại 60.000 đồng thì bị cáo không biết tiền gì, bị cáo chưa từng nhận tiền của G từ việc bán dâm. Còn bà G cho rằng bị cáo trình bày là không đúng, vì sau khi bà bán dâm xong thì bà có trả tiền công môi giới cho bị cáo 50.000 đồng và số tiền 100.000 đồng mà bà đưa để trả tiền nước ngọt 40.000 đồng, còn lại 60.000 đồng là bà nói là trả tiền công hôm bữa con đi chơi luôn, mà bị cáo không thừa nhận nên việc áp dụng điểm t cho bị cáo là tích cực hợp tác với cơ quan chức năng giúp ích cho cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết vụ án là không có cơ sở chấp nhận. Mặc dù, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ

luật hình sự năm 2015 nên không đủ căn cứ để cho bị cáo được hưởng án treo. Bởi lẽ bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần, bị cáo có nhân thân xấu.

Riêng đối với ông L cùng thời điểm xảy ra vụ án, ông L có gọi điện thoại cho bà G để đòi lại số tiền bà G mượn 600.000 đồng từ bà G. Việc bị cáo T làm trung gian môi giới cho ai ông không hay biết nên không đủ căn cứ xử lý đối với ông L.

Đối với ông V là chủ nhà trọ "Thành Đạt" hoàn toàn không biết việc bị cáo T môi giới cho ông T, ông Th, bà Ph và bà G thực hiện hành vi mua dâm, bán dâm tại nhà trọ của ông nên hành vi nêu trên vi phạm hành chính nên ngày 09/01/2020 bị UBND huyện Trà Cú xử phạt số tiền 17.500.000 đồng.

Đối với ông T, ông Th, bà Ph và bà G đã có hành vi mua dâm, bán dâm nên vi phạm hành chính, ngày 08/01/2020, bị Công an huyện Trà Cú xử phạt ông T, Th là 750.000 đồng và Ph, G là 200.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Út T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Trà Cú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 106, Điều 326, Điều 331 và Điều 333; Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Út T phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Út T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu itel, màu đen, đã qua sử dụng có 02 số IMEI 1: 355802100690643, số IMEI2: 355802100690650 có gắn sim số 0374.220.245 và 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng có số IMEI: 353198/05/271755/1, có gắn sim số

0936417901; tiền mặt 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000629 và 400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000630 cùng ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng và 02 (hai) vỏ bao cao su (dùng để đựng bao cao su), màu vàng đã qua sử dụng, đã bị rách.

Truy thu từ bị cáo Trần Thị Út T số tiền 50.000 đ (*Năm mươi nghìn đồng*) thu lợi bất chính từ những lần môi giới mại dâm ngày 30/12/2019 để nộp vào ngân sách nhà Nước.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Thị Út T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Công an huyện Trà Cú;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- Những người TGT;
- Lưu hồ sơ.

(Đã Ký)

Kim Riêng